Mẫu số 31-VDS

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐĂK HÀ
TỈNH KON TUM

Số: 32/2019/QĐST- HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Đăk Hà, ngày 02 tháng 4 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐĂK HÀ - TỈNH KON TUM.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 361; Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 38/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Huỳnh Thị Mỹ Ch, sinh năm 1977. Địa chỉ: Tổ dân phố 3B, thị trấn Đ, huyện H, tỉnh T và anh Phạm Minh Đ, sinh năm 1974. Địa chỉ: Tổ dân phố 3B, thị trấn Đ, huyện H, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Mỹ Ch với anh Phạm Minh Đ cùng thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh, chị đều xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Phạm Minh V, sinh ngày 26/3/1999 đã trưởng thành đủ 18 tuổi tự lập được, cháu Phạm Thục Tr, sinh ngày 15/4/2003 và thỏa thuận như sau:

Giao cháu Phạm Thục Tr, sinh ngày 15/4/2003 cho chị Huỳnh Thị Mỹ Ch trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Minh Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng.

[4] Về tài sản, nghĩa vụ tài sản: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

[5] Về các vấn đề khác: Không.

[6] Về lệ phí Tòa án: Chị Huỳnh Thị Mỹ Ch với anh Phạm Minh Đ phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, chị Huỳnh Thị Mỹ Ch nhận chịu toàn bộ số tiền này.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1.Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Mỹ Ch với anh Phạm Minh Đ thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh, chị đều xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Phạm Minh V, sinh ngày 26/3/1999 đã trưởng thành đủ 18 tuổi tự lập được, cháu Phạm Thục Tr, sinh ngày 15/4/2003 và thỏa thuận như sau:

Giao cháu Phạm Thục Tr, sinh ngày 15/4/2003 cho chị Huỳnh Thị Mỹ Ch trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con (anh Đ) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

-Về tài sản, nghĩa vụ tài sản: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.Về lệ phí Tòa án *(Thuận tình ly hôn):* Là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)*. Chị Huỳnh Thị Mỹ Ch đã nộp đủ số tiền này tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum theo biên lai số AA/2010/0009536 ngày 13 tháng 3 năm 2019.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND cùng cấp;
-UBND xã M,H. T;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Đoàn Thị Kim Anh

Mẫu số 31-VDS

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐĂK HÀ
TỈNH KON TUM

Số: 125/2018/QĐST- HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Đăk Hà, ngày 16 tháng 11 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐĂK HÀ - TỈNH KON TUM.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 361; Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 135/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Y Phân, sinh năm 1994 và anh Phạm Ngọc Tuấn, sinh năm 1971. Địa chỉ: Cùng trú tại Thôn 2 Đoàn Kết, xã Đắk Ngọk, huyện H, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Y Phân với anh Phạm Ngọc Tuấn cùng thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh, chị đều xác nhận vợ chồng có một con chung tên là Phạm Thị Bảo Yến, sinh ngày 17/10/2012 và thỏa thuận như sau:

Giao cháu Phạm Thị Bảo Yến, sinh ngày 17/10/2012 cho anh Phạm Ngọc Tuấn trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Yến đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y Phân không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng.

[4] Về tài sản, nghĩa vụ tài sản: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

[5] Về các vấn đề khác: Không.

[6] Về lệ phí Tòa án: Anh Phạm Ngọc Tuấn và chị Y Phân phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, chị Y Phân nhận chịu toàn bộ số tiền này.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1.Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Y Phân với anh Phạm Ngọc Tuấn thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh, chị đều xác nhận vợ chồng có một con chung và thỏa thuận như sau:

Giao cháu Phạm Thị Bảo Yến, sinh ngày 17/10/2012 cho anh Phạm Ngọc Tuấn trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Yến đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình , hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Y Phân không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

-Về tài sản, nghĩa vụ tài sản: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.Về lệ phí Tòa án *(Thuận tình ly hôn):* Là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng*. Chị Y Phân đã nộp đủ số tiền này tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh T theo biên lai số AA/2010/0009470 ngày 15 tháng 10 năm 2018.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND cùng cấp;
-UBND TT Đăk Hà;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐĂK HÀ
TỈNH KON TUM

Số: 98/2018/QĐST- HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Đăk Hà, ngày 07 tháng 9 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 102/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2018, giữa:

Người yêu cầu: Chị Y Non, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn Kon Rôn, xã Ngọc Réo, huyện H, tỉnh T và anh A Díp, sinh năm 1990. Địa chỉ: Làng Mô Bành II, xã Đắk Na, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 361; Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Y Non với anh A Díp.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Y Non với anh A Díp thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh, chị đều xác nhận vợ chồng có một con chung và thỏa thuận như sau:

Giao cháu Y Hoàng Yến, sinh ngày 18/11/2008 cho chị Y Non trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Y Hoàng Yến đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình. Anh A Díp không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định. Anh A Díp có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

-Về tài sản, nghĩa vụ tài sản: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

- Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 144; Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 4; Điều 5; Điều 6; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 36; Khoản 1, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Lệ phí dân sự sơ thẩm *(Thuận tình ly hôn)* là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng),* người yêu cầu phải chịu. Chị Y Non nhận chịu số tiền này nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng),* theo biên lai số AA/2010/0009422 ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh T. Chị Y Non đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **THẨM PHÁN**

- Các đương sự;
-VKSND huyện;
- TAND tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
-UBND xã Đắk Na, H. Tu Mơ Rông;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐĂK HÀ
TỈNH KON TUM

Số: 91/2018/QĐST- HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Đăk Hà, ngày 24 tháng 8 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 92/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018, giữa:

Người yêu cầu: Chị Nông Thị Thùy Nhung, sinh năm 1986. Địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn Đ, huyện H, tỉnh T và anh Nguyễn Thanh Long, sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn Đ, huyện H, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 361; Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã

hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nông Thị Thùy Nhung với anh Nguyễn Thanh Long.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị Thùy Nhung với anh Nguyễn Thanh Long thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh, chị đều xác nhận vợ chồng có một con chung và thỏa thuận như sau:

Giao cháu Nguyễn Hoài Trúc Lê, sinh ngày 10/10/2013 cho chị Nông Thị Thùy Nhung trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Lê đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình.

Anh Nguyễn Thanh Long không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định. Anh Nguyễn Thanh Long có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

-Về tài sản, nghĩa vụ tài sản: Anh, chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

- Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 144; Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 4; Điều 5; Điều 6; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 36; Khoản 1, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Lệ phí dân sự sơ thẩm *(Thuận tình ly hôn)* là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng),* người yêu cầu phải chịu. Chị Nông Thị Thùy Nhung nhận chịu số tiền này nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng),* theo biên lai số AA/2010/0009412 ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh T. Chị Nông Thị Thùy Nhung đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo qui định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND huyện H;
- TAND tỉnh T;
- Chi cục THADS huyện;
-UBND TT Đăk Hà, H.Đăk Hà;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐĂK HÀ
TỈNH KON TUM

Số: 71/2018/QĐST- HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Đăk Hà, ngày 19 tháng 7 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 80/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018, giữa:

Người yêu cầu: Chị Đinh Thị Thùy Giang, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn 5, xã Hà Mòn, huyện H, tỉnh T và anh Nguyễn Văn Dũng, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn 4, xã Đăk Mar, huyện H, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 361; Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đinh Thị Thùy Giang với anh Nguyễn Văn Dũng.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Thùy Giang với anh Nguyễn Văn Dũng thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh, chị đều xác nhận vợ chồng có một con chung và thỏa thuận như sau:

Giao cháu Nguyễn Đinh Gia Ân, sinh ngày 10/7/2016 cho chị Đinh Thị Thùy Giang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Ân đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình.

Anh Nguyễn Văn Dũng cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*), kể từ tháng 6 năm 2018 cho đến khi cháu Nguyễn Đinh Gia Ân đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình, phương thức cấp dưỡng theo tháng.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định. Anh Nguyễn Văn Dũng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Căn cứ điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015: Kể từ khi quyết định này được ban hành, chị Đinh Thị Thùy Giang (bên có quyền) có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Nguyễn Văn Dũng (bên có nghĩa vụ) không thực hiện đầy đủ khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì anh Dũng phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

-Về tài sản, nghĩa vụ tài sản: Anh, chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

- Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 144; Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 4; Điều 5; Điều 6; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 36; Khoản 1, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Lệ phí dân sự sơ thẩm *(Thuận tình ly hôn)* là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)*, người yêu cầu phải chịu. Chị Đinh Thị Thùy Giang nhận chịu số tiền này nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)*, theo biên lai số AA/2010/0009399 ngày 21 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh T. Chị Đinh Thị Thùy Giang đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND huyện H;
- TAND tỉnh T;
- Chi cục THADS huyện;
-UBND xã Đăk Mar, H.Đăk Hà;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐĂK HÀ
TỈNH KON TUM

Số: 65/2018/QĐST- HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Đăk Hà, ngày 28 tháng 6 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 71/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2018, giữa:

Người yêu cầu: Chị Y Lem, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn 9, xã Đăk La, huyện H, tỉnh T và anh A Ly Nùng, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn 9, xã Đăk La, huyện H, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 361; Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 6 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 6 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Y Lem với anh A Ly Nùng.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Y Lem với anh A Ly Nùng thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh, chị đều xác nhận vợ chồng không có con chung và hiện tại chị Y Lem không có thai với anh A Ly Nùng nên không xem xét giải quyết.

-Về tài sản, nghĩa vụ tài sản: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

- Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 144; Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 4; Điều 5; Điều 6; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 36; Khoản 1, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Lệ phí dân sự sơ thẩm *(Thuận tình ly hôn)* là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)*, người yêu cầu phải chịu. Anh A Ly Nùng nhận chịu số tiền này nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)*, theo biên lai số AA/2010/0009387 ngày 28 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh T. Anh A Ly Nùng đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND huyện H;
- TAND tỉnh T;
- Chi cục THADS huyện;
-UBND xã Đăk La, H.Đăk Hà;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

HUYỆN ĐĂK HÀ
TỈNH KON TUM

Số: 14/2018/QĐST- HNGĐ

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Đăk Hà, ngày 02 tháng 3 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 24/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2018, giữa:

Người yêu cầu: Chị Trần Thị Như, sinh năm 1991. Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn Đ, huyện H, tỉnh T và anh Thái Văn Thùy, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn Đ, huyện H, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 361; Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 02 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 02 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị Như với anh Thái Văn Thùy.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Như với anh Thái Văn Thùy thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh, chị đều xác nhận vợ chồng có một con chung và thỏa thuận như sau:

Giao cháu Thái Trần Minh Khang, sinh ngày 20/11/2014 cho chị Trần Thị Như trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Khang đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình.

Anh Thái Văn Thùy cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng là 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) cho đến khi cháu Khang đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình. Phương thức cấp dưỡng theo tháng, kể từ tháng 02 năm 2018.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định. Anh Thái Văn Thùy có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Căn cứ điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015: Kể từ khi quyết định này được ban hành, chị Trần Thị Như (bên có quyền) có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Thái Văn Thùy (bên có nghĩa vụ) không thực hiện đầy đủ khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì anh Thùy phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- ***Về tài sản và nghĩa vụ tài sản:*** Anh, chị đều xác nhận tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập..

- ***Về lệ phí dân sự sơ thẩm:*** Áp dụng Điều 144; Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 4; Điều 5; Điều 6; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 36; Khoản 1, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Lệ phí dân sự sơ thẩm *(Thuận tình ly hôn)* là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng),* người yêu cầu phải chịu. Những người yêu cầu thỏa thuận, anh Thái Văn Thùy nhận chịu số tiền này nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng),* theo biên lai số AA/2010/0009323 ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh T. Anh Thái Văn Thùy đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện H;
- TAND tỉnh T;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND TT Đăk Hà, H.Đăk Hà;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐĂK HÀ** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**
Số: 07/2018/QĐST- HNGĐ	*Đăk Hà, ngày 06 tháng 02 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 19/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2018, giữa:

Người yêu cầu: Chị Nguyễn Thị Trang, sinh năm 1997. Địa chỉ: Thôn 3, xã Hà Mòn, huyện H, tỉnh T và anh Nguyễn Huy Hoàng, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn 1, xã Hà Mòn, huyện H, tỉnh T .

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 361; Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Huy Hoàngvới chị Nguyễn Thị Trang.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Huy Hoàng với chị Nguyễn Thị Trang thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh, chị đều xác nhận vợ chồng có một con chung và thỏa thuận như sau:

Giao cháu Nguyễn Huy Khánh, sinh ngày 27/12/2015 cho chị Nguyễn Thị Trang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Khánh đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình.

Anh Nguyễn Huy Hoàng phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng là 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) kể từ tháng 02 năm 2018 cho đến khi cháu Khánh đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình. Phương thức cấp dưỡng theo tháng.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định. Anh Nguyễn Huy Hoàng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Căn cứ điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015: Kể từ khi quyết định này được ban hành, chị Nguyễn Thị Trang (bên có quyền) có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Nguyễn Huy Hoàng (bên có nghĩa vụ) không thực hiện đầy đủ khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì anh Hoàng phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- ***Về tài sản và nghĩa vụ tài sản:*** Anh, chị đều xác nhận tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập..

- ***Về lệ phí dân sự sơ thẩm:*** Áp dụng Điều 144; Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 4; Điều 5; Điều 6; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 36; Khoản 1, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Lệ phí dân sự sơ thẩm *(Thuận tình ly hôn)* là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng),* người yêu cầu phải chịu. Những người yêu cầu thỏa thuận, chị Nguyễn Thị Trang nhận chịu số tiền này nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng),* theo biên lai số AA/2010/0009314 ngày 17 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh T. Chị Nguyễn Thị Trang đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện H;

THẨM PHÁN

- TAND tỉnh T;
- Chi cục THADS huyện;
-UBND xã Hà Mòn, H.Đăk Hà;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.